

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/01/2021

*V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hà.

***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông Trần Thanh Bình.

2. Bà Nguyễn Thị Bích

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh

B.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 28/01/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2020/QĐXX-ST ngày 14/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐ-ST ngày 04/01/2021 giữa các đương sự:

**\*Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh năm: 1994 (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn Nguồn Ngoài, xã Hồng Gi, huyện Lục Ng, tỉnh B.

**\*Bị đơn:** Anh Trần Văn Tr, sinh năm: 1995 (vắng mặt).

Nơi ĐKKHKT: Thôn Nguồn Ngoài, xã Hồng Gi, huyện Lục Ng, tỉnh B (Hiện đang lao động tại nước ngoài).

Địa chỉ cuối cùng của anh Trần Văn Tr tại Việt Nam là Thôn Nguồn Ngoài, xã Hồng Gi, huyện Lục Ng, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 08/9/2020, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Huyền Tr trình bày:*

Chị và anh Trần Văn Tr kết hôn với nhau ngày 01/02/2016 trên có sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Gi, huyện Lục Ng, tỉnh B. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2017 thì anh Tr đi xuất khẩu lao động, thời gian đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, sang năm thứ hai thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm thường xuyên cãi vã, rạn nứt tình cảm và không còn tiếng nói chung, vợ chồng ít liên lạc với nhau. Đến năm 2020 thì vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm lẫn kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho anh được ly hôn với anh Trần Văn Tr.

*Về con chung:* Chị và anh Tr có 01 con chung là cháu Trần Giang A, sinh ngày 09/5/2016. Hiện nay hiện cháu đang ở với anh Tr và ông bà nội. Ly hôn chị đề nghị giao con chung là cháu Trần Giang A cho anh Tr nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không đề nghị giải quyết.

*Về tài sản chung, công nợ:* Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị Tr còn trình bày: Hiện nay anh Tr vẫn ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của anh Tr ở nước ngoài chị không cung cấp được cho Tòa án được vì chị không liên lạc được với anh Tr, anh Tr vẫn liên lạc về gia đình nhưng bố đẻ anh Tr là ông Trần Văn Th, sinh năm 1963, trú tại: Thôn Nguộn Ngoài, xã Hồng Gi, huyện Lục Ng, tỉnh B cũng không cung cấp địa chỉ nên chị không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên chị không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị và anh Tr được, nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Trần Văn Tr.

*Bị đơn anh Trần Văn Tr không có bản tự khai.*

Ngày 30/10/2020 và ngày 19/11/2020 Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với bố đẻ của anh Trần Văn Tr là ông Trần Văn Th, sinh năm 1963, trú tại: Thôn Nguộn Ngoài, xã Hồng Gi huyện Lục Ng, tỉnh B để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông Th thông báo cho anh Tr biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị Huyền Tr và anh

Trần Văn Tr; yêu cầu anh Tr viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu ông Th cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Tr ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua 2 lần làm việc ông Th vẫn giữ nguyên quan điểm là anh Tr ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Tr ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của anh Tr, đồng thời ông cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh Tr biết để anh Tr gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh Tr gửi về.

*Tại đơn trình bày ông Trần Văn Th trình bày:* Ông là ông nội của cháu Trần Giang A, sinh ngày 09/5/2016, kể khi cháu Trần Giang A sinh ra đến nay cháu vẫn ở với ông, cháu được đi học và phát triển bình thường, con trai ông là anh Trần Văn Tr vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình và thường xuyên gửi tiền về cho ông và gia đình để nuôi dưỡng chăm sóc cháu Trần Giang A.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền Tr vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Trần Văn Tr vắng mặt không có lý do.

Thay mặt Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Tr; Biên bản làm việc với bố đẻ của anh Tr là ông Trần Văn Th và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền Tr có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Tr không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh Tr; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt anh Tr là đúng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; 238; điều 271; điều 273; khoản 2 điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huyền Tr. Xử cho chị Nguyễn Thị Huyền Tr được ly hôn anh Trần Văn Tr.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Giang A, sinh ngày 09/5/2016 cho anh Trần Văn Tr nuôi dưỡng, chăm sóc.

Chị Nguyễn Thị Huyền Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Chị Nguyễn Thị Huyền Tr là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Huyền Tr.

Đối với bị đơn anh Trần Văn Tr vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với bố đẻ của anh Tr là ông Trần Văn Th để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông Th thông báo cho anh Tr biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị Huyền Tr và anh Trần Văn Tr; Yêu cầu anh Tr viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu ông Th cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Tr ở nước ngoài. Ông Trần Văn Th trình bày: Ông Trung vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà ông Th vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh Tr cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh Tr biết. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Văn Tr theo thủ tục chung.

[2]. **Về thẩm quyền:** Chị Nguyễn Thị Huyền Tr là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Trần Văn Tr, anh Tr hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 17089/QLXNC-P5 v/v cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 30/9/2020 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì anh Tr xuất cảnh ngày 12/12/2017 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của anh Tr ở Việt Nam là: Thôn Nguồn Ngoài, xã Hồng Gi, huyện Lục Ng, tỉnh B. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[3]. Về quan hệ Hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Huyền Tr và anh Trần Văn Tr có đăng ký kết hôn ngày 01/02/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Gi, huyện Lục Ng, tỉnh B. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2017 thì anh Tr đi xuất khẩu lao động, thời gian đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, sang năm thứ hai thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm thường xuyên cãi vã, rạn nứt tình cảm và không còn tiếng nói chung, vợ chồng ít liên lạc với nhau. Đến năm 2020 thì vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm lẫn kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho anh được ly hôn với anh Trần Văn Tr.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Huyền Tr và anh Trần Văn Tr. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị Tr và anh Tr chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2017 thì anh Tr đi nước ngoài lao động, từ khi anh Tr đi nước ngoài lao động thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và vợ chồng đã cắt đứt liên lạc với nhau không còn quan tâm tới nhau nữa. Xét thấy tình cảm giữa chị Tr và anh Tr đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huyền Tr. Xử cho chị Nguyễn Thị Huyền Tr được ly hôn anh Trần Văn Tr.

**[4]. Về nuôi con chung:** Chị Nguyễn Thị Huyền Tr và anh Trần Văn Tr có 01 con chung là cháu Trần Giang A, sinh ngày 09/5/2016 hiện đang ở với anh Tr và ông bà nội. Ly hôn chị đề nghị giao cháu Trần Giang A cho anh Tr nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị không đề nghị giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huyền Tr về yêu cầu nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy từ khi cháu Trần Giang A sinh ra đến nay thì cháu vẫn ở cùng với anh Tr và ông bà nội (bố mẹ anh Tr) cháu được ông bà nội chăm sóc phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, anh Tr vẫn thường xuyên gửi tiền về cho bố mẹ anh để nuôi dưỡng và chăm sóc cháu. Bố mẹ anh Tr cũng đề nghị giao con cho anh Tr nuôi dưỡng, ông bà sẽ có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Giang

Anh trong thời gian anh Tr ở nước ngoài. Do vậy, chị Tr đề nghị giao con chung là cháu Trần Giang A, sinh ngày 09/5/2016 cho anh Trần Văn Tr nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với điều kiện thực tế và tránh xáo trộn cuộc sống bình thường của cháu. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huyền Tr.

Giao con chung là cháu Trần Giang A, sinh ngày 09/5/2016 cho anh Trần Văn Tr là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Tr không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Huyền Tr có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Tr thực hiện quyền này.

**[5]. Về tài sản, công nợ:** Chị Nguyễn Thị Huyền Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**[6]. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Huyền Tr phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

**[7]. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Cho chị Nguyễn Thị Huyền Tr được ly hôn với anh Trần Văn Tr.

**2. Về con chung:** Giao cho anh Trần Văn Tr là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Giang A, sinh ngày 09/5/2016 đến

khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Huyền Tr có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Tr thực hiện quyền này.

**3.Về án phí:**Chị Nguyễn Thị Huyền Tr phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2018/0000724 ngày 27/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị Tr đã nộp đủ.

**4.Về quyền kháng cáo bản án:** Chị Nguyễn Thị Huyền Tr vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Trần Văn Tr hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bích    Trần Thanh Bình**

**Trần Thị Hà**

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND xã Hồng Giang, huyện Lục Ng.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hà**





